TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS - ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2018
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên toà: Ông Nay Lu Vinh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2018 về "***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST - DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà ***Đặng Thị H***, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường AC, tổ 6, phường TL, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt

2.*Bị đơn*: Bà ***Đoàn Thị D***

Địa chỉ: Tổ 7, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2018, bản tự khai ngày 20/3/2018, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết chị em hàng xóm ở gần nhà nên ngày 17/4/2015 bà đã cho bà Đoàn Thị D vay số tiền 20.000.000 đồng và bà D có viết giấy nợ đưa cho bà giữ. Kể từ thời điểm vay đến nay bà D chưa trả cho bà tiền lãi cũng như tiền gốc. Bà đến gặp bà D nhiều lần để yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà D cứ hẹn và sau đó tuyên bố không trả. Nay bà

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị D thanh toán số nợ 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà thừa nhận bà D đã thanh toán 1.800.000 đồng tiền gốc và chỉ yêu cầu bà D thanh toán số tiền còn lại là 18.200.000 (mười tám triệu hai trăm nghìn) đồng và không yêu cầu bà D trả lãi số tiền trên.

Đối với bị đơn bà Đoàn Thị D

Bà Đoàn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để bà D trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H nhưng bà D không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Đặng Thị H cho rằng bà Đoàn Thị D còn nợ bà 20.000.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Đoàn Thị D thanh toán nợ nhưng bà D không thực hiện, buộc bà H khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Đoàn Thị D tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng bà D vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt bà Đoàn Thị D.

Tại đơn khởi kiện, bà Đặng Thị H yêu cầu bà Đoàn Thị D thanh toán số nợ 20.000.000 đồng, tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện bà chỉ yêu cầu bà D thanh toán 18.200.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo như bà Đặng Thị H trình bày: Bà Đoàn Thị D và bà vừa vay tiền vừa chơi hụi với nhau cho nên trong cùng một chứng cứ vừa thể hiện nội dung vay vừa ghi nhận nội dung liên quan đến tiền hụi, có nội dung do bà Đoàn Thị D ghi, có nội dung do bà tự ghi lại để sau này đối chiếu.

Theo văn bản đề ngày 17/4/2015 do bà Đặng Thị H cung cấp bên cạnh nội dung thể hiện bà Đoàn Thị D vay của bà Đặng Thị H số tiền 20.000.000 đồng còn có các nội dung khác đề cập đến việc đưa nhận tiền và tiền hụi trong đó có 02 (Hai) nội dung bên dưới có chữ ký và ghi tên Đoàn Thị D.

Đối với nội dung thứ nhất: "*Ngày 17/4/2015 (DL) chị D vay em H 20.000.000 (Hai mươi triệu) chữ ký và ghi tên Đoàn Thị D*", đoạn văn bản này tuy không đảm bảo thể hiện đầy đủ nội dung hợp đồng vay tài sản nhưng vẫn đảm bảo về mặt hình thức, được lập trên cơ sở tự nguyện, đối tượng giao kết phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Bà Đoàn Thị D đã biết về việc khởi kiện của bà Đặng Thị H nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối về khoản vay trên nên có cơ sở khẳng định việc bà Đoàn Thị D có vay của bà Đặng Thị H 20.000.000 đồng là có thực.

Đối với nội dung thứ hai "*20/12/2015 Tổng cộng chỉ nhận chị D trả 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng) chữ ký và ghi tên Đoàn Thị D*", tuy không thể hiện rõ khoản tiền 1.800.000 đồng này bà D đưa cho bà H là tiền hụi, trả tiền vay gốc hay tiền lãi nhưng khoản tiền này đưa sau thời điểm vay, bản thân bà H thừa nhận khoản tiền này trả tiền gốc cho khoản vay ngày 17/4/2015 nên cần khấu trừ vào số tiền 1.800.000 đồng vào số tiền vay 20.000.000 đồng.

Đối với các nội dung khác " *Em đưa chị đóng hụi 3 dây 2.500.000 hai triệu năm trăm nghìn đồng*" và "*đã nhận 26/03/2016 Dlịch 10.100.000đ (mười triệu một trăm ngàn đồng chẵn) tiền hốt hụi tháng 8/2015: (Chị D hẹn 28-29 AL/tháng 2/2/2016 ÂL lên chị D lấy tiền) H lên lấy không có tiền)"*, bà Đặng Thị H trình bày toàn bộ các nội dung này đều do bà ghi lại để sau này đối chiếu, chỉ liên quan đến tiền hụi, không liên quan đến khoản vay bà đang khởi kiện và trên thực tế bà chưa nhận được tiền từ bà D vì nếu bà D đưa tiền cho bà thì sẽ ký nhận vào bên dưới. Các nội dung này cùng chung trong chứng cứ liên quan đến khoản vay nhưng lại không có chữ ký ghi tên Đoàn Thị D bên dưới như các nội dung còn lại, bà H không thừa nhận đã nhận khoản tiền 10.100.000 đồng, ngoài lời khai và chứng cứ do bà Đặng Thị H cung cấp bà Đoàn Thị D không cung cấp chứng cứ chứng minh bà đã thanh toán nợ một phần hoặc toàn bộ khoản nợ cho bà Đặng Thị H nên không có căn cứ xác định bà D đã trả khoản nợ nào khác ngoài số tiền 1.800.000 đồng.

Bà Đặng Thị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy có cơ sở xác định, bà Đoàn Thị D nợ bà Đặng Thị H 18.200.000 đồng, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bà D trả cho bà 18.200.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Đặng Thị H được chấp nhận nên bà Đoàn Thị D phải chịu án phí:

18.200.000 đồng x 5% = 910.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 12 Điều 25; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 97, Điều 186, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc yêu cầu bà Đoàn Thị D thanh toán tiền nợ 18.200.000 đồng.

Buộc bà Đoàn Thị D trả cho bà Đặng Thị H 18.200.000 (Mười tám triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Đoàn Thị D phải chịu 910.000 (Chín trăm mười nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003324 ngày 16/3/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đặng Thị H có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bà Đoàn Thị D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy